

Số: 868/TB-CSTN

Tây Ninh, ngày 16 tháng 05 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Về việc kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá**  
**quyền khai thác mỏ cao su năm 2024 tại Nông trường Cao su Bến Cùi**

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-CSTN ngày 16/05/2024 của Tổng Giám đốc Công ty về việc Phê duyệt kết quả chào giá lựa chọn tổ chức bán đấu giá quyền khai thác mỏ cao su năm 2024 tại Nông trường Cao su Bến Cùi.

Nay, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh thông báo đến các đơn vị tham gia chào giá kết quả chào giá lựa chọn tổ chức bán đấu giá quyền khai thác mỏ cao su năm 2024 tại Nông trường Cao su Bến Cùi với nội dung như sau:

**1. Kết quả lựa chọn:**

- Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: **Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam**, địa chỉ: Số 6/4 Mạc Thái Tổ, Tò 43 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội.

- Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 98 điểm.

- Tổ chức đấu giá tài sản không được chọn:

+ Công ty Đấu giá Hợp danh Nam Bình Dương: 96 điểm.

**2. Kết quả chấm điểm (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn):**

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA CHÀO GIÁ	
			Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam	Công ty Đấu giá Hợp danh Nam Bình Dương
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0	23,0	22,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0	11,0	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...).	6,0	6,0	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện và tại Công ty Cổ phần cao su Tây Ninh	5,0	5,0	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0	8,0	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0	4,0	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0	4,0	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0	2,0	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0	1,0	0,0

5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0	22,0	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	4,0	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã	4,0	4,0	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0	4,0	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0	3,0	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0	3,0	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0	45,0	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	6,0	6,0	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0		
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0		
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0		
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0		
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0	6,0	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	18,0	18,0	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0	-	-
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0	-	-
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0	-	-
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0	-	-
2.5	Từ 100% trở lên	18,0	18,0	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	5,0	5,0	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0	-	-

3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4.0	-	-
3.3	Từ 05 năm trở lên	5.0	5.0	5.0
<b>4</b>	<b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</b>	<b>3,0</b>	<b>3,0</b>	<b>3,0</b>
4.1	01 đấu giá viên	1.0	-	-
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2.0	-	-
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3.0	3.0	3.0
<b>5</b>	<b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</b>	<b>4,0</b>	<b>4,0</b>	<b>4,0</b>
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2.0	-	-
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3.0	-	-
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4.0	4.0	4.0
<b>6</b>	<b>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2.0	-	-
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3.0	-	-
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4.0	-	-
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5.0	5.0	5.0
<b>7</b>	<b>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</b>	<b>3,0</b>	<b>3,0</b>	<b>3,0</b>
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2.0	-	-
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3.0	3.0	3.0
<b>8</b>	<b>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</b>	<b>1,0</b>	<b>1,0</b>	<b>1,0</b>
<b>IV</b>	<b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>
<b>1</b>	<b>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</b>	<b>3,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>2</b>	<b>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</b>	<b>4.0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3</b>	<b>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</b>	<b>5.0</b>	<b>5.0</b>	<b>5.0</b>
<b>V</b>	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>	<b>5,0</b>	<b>3,0</b>	<b>2,0</b>
<b>1</b>	<b>Tổ chức đấu giá có đề xuất mức thù lao dịch vụ đấu giá tài sản (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) thấp nhất so với các tổ chức đấu giá tham gia đợt này</b>	<b>2,0</b>	<b>0,0</b>	<b>2,0</b>
<b>2</b>	<b>Tổ chức đấu giá tài sản có tối thiểu 05 hợp đồng đấu giá nhượng quyền khai thác mỏ cao su thành công</b>	<b>3,0</b>	<b>3,0</b>	<b>0,0</b>

	<i>trong năm trước liền kề (năm 2023), (Đính kèm hợp đồng DVDG và Biên bản đấu giá thành công).</i>			
	<b>Tổng số điểm</b>	<b>100</b>	<b>98</b>	<b>96</b>
<b>VI</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>			
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	-	-

Dề nghị Quý Công ty được lựa chọn tổ chức đấu giá tiến hành thương thảo hợp đồng và làm các thủ tục ký kết hợp đồng.

Trân trọng! *gy*

**Nơi nhận:**

- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Đơn vị tham gia;
- Trang thông tin điện tử Bộ Tư Pháp;  
(đề đăng tin trên Website)
- Phòng TCHC-LDTL;  
(đề đăng tin trên Website Công ty)
- P. KHĐT, P.TCKT;
- Lưu VT, P.KT.

